

Bản án số: 20/2020/HS-ST

Ngày 16 - 9 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thu và bà Nông Thị Giáp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Quỳnh, là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Nông Văn H (tên gọi khác: Không) sinh ngày xx/x/19xx tại xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng sơn; nơi cư trú (HKTT): Thôn P, xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn) lớp 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn H (Đã chết) và bà Lục Thị T; có vợ là Đinh Thị B và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/6/2020 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo, ông Lý Văn Trung là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn theo quyết định số 236/QĐ-TGPL ngày 29/6/2020 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn về việc cử trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng, có mặt.

2. Người có quyền lợi liên quan: Chị Đinh Thị B, sinh năm 19xx; trú tại Thôn P, xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 30 phút ngày 01/6/2020, tổ công tác của Công an huyện N đang thực hiện nhiệm vụ tại Km 67 – đường quốc lộ 3B thuộc khu vực thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn thì phát hiện đối tượng Nông Văn H có lý lịch nêu trên có biểu hiện tàng trữ trái phép chất ma túy nên đã yêu cầu kiểm tra. H đã thừa nhận đang tàng trữ trái phép chất ma túy trên người và tự nguyện giao nộp 02 gói nhỏ ma túy. Một gói bọc

bằng giấy nilon màu đen, bên trong có 02 lớp giấy nhiều màu sắc, bên trong các lớp giấy này có chứa chất màu trắng dạng bột và cục nghi là ma túy; gói còn lại được gói bằng giấy nilon trong suốt, bên trong có một lớp giấy một mặt màu trắng, một mặt màu vàng (Loại giấy trong vỏ bao thuốc lá), bên trong lớp giấy này có chứa màu trắng dạng cục và bột nghi là ma túy. Tổ công tác đã tiến hành thử phản ứng nhanh với dung dịch thuốc thử Heroine do Bộ công an cung cấp. Kết quả dung dịch thuốc thử chuyển sang màu tím, trùng với màu nhận biết Heroine. Sau khi thử phản ứng chất bột và cục của 02 gói chất thu giữ của H thì được gói lại như ban đầu cho vào phong bì niêm phong ký hiệu A1. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nông Văn H về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và tạm giữ của H 01 chiếc điện thoại di động; 01 chiếc xe mô tô BKS 12T1-xxxxx.

Hồi 00 giờ 10 phút ngày 02/6/2020, tại trụ sở Công an huyện, Cơ quan CSĐT Công an huyện N với sự có mặt của Nông Văn H, tiến hành mở niêm phong để cân xác định khối lượng vật chứng trong phong bì ký hiệu A1. Kết quả cân riêng số chất màu trắng dạng bột lẫn cục trong gói thứ nhất có khối lượng 0,090g. Sau khi cân xác định khối lượng đã gói niêm phong trong phong bì ký hiệu B1; kết quả cân riêng số chất màu trắng dạng bột lẫn cục trong gói thứ hai có khối lượng 0,081g. Sau khi cân, được đóng gói niêm phong trong phong bì ký hiệu B2. Số vật chứng còn lại 01 phong bì ký hiệu A1 đã mở niêm phong, 02 mảnh nilon màu đen, 01 mảnh nilon trong suốt, 04 mảnh giấy gói được cho vào phong bì mới niêm phong ký hiệu B3 được bảo quản theo quy định.

Ngày 02/6/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện ra quyết định trưng cầu giám định số 27 gửi Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn để trưng cầu giám định chất màu trắng dạng cục và bột trong phong bì ký hiệu B1, B2. Tại bản kết luận giám định số 82/KTHS-MT ngày 05/6/2020 của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì ký hiệu B1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 0,090g; mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì ký hiệu B2 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 0,081g. Sau giám định, mẫu chất trong phong bì ký hiệu B1 còn lại 0,075g; mẫu chất trong phong bì ký hiệu B2 còn lại 0,069g cùng phong bì, bao gói cũ niêm phong vào trong phong bì mới ký hiệu T82, hoàn trả lại cho Cơ quan trưng cầu.

Vật chứng và đồ vật thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 phong bì được niêm phong ký hiệu B3;
- 01 phong bì niêm phong ký hiệu T82;
- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng;
- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave α BKS 12T1-138.93 đã qua sử dụng;
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 008440 mang tên Nông Văn Hoài;

Các vật chứng được bảo quản theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số: 23/CT-VKS-N ngày 18/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện N để xét xử Nông Văn H về: "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c, khoản 1, Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS 2015).

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, Nông Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể: Khoảng 21 giờ 00 phút, bị cáo điều khiển xe mô tô BKS 12T1-xxxxx của bị cáo từ nhà ở thôn P, xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn sang thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn chơi không có mục đích đi tìm mua ma túy. Trên đường, khi đến khu vực thôn N, xã C, huyện N thì bị cáo gặp Th khoảng 35 tuổi mới quen không rõ họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể cũng là người nghiện ma túy như bị cáo nên đã dừng xe để nói chuyện và hỏi Th có thuốc không lấy cho 400.000,đ thì Th đưa cho H 02 gói nhỏ ma túy, còn bị cáo đưa cho tiền cho Th với nhiều mệnh giá khác nhau. Khi bị cáo điều khiển xe mô tô đi tiếp được khoảng 500m thì bị tổ công tác công an huyện N kiểm tra và diễn biến sự việc sau đó đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố. Đối với chiếc xe mô tô đang bị tạm giữ là tài sản chung của gia đình do bị cáo đứng tên trong giấy đăng ký xe mô tô, xe máy; bản thân bị cáo mua ma túy là nhằm đáp ứng cho nhu cầu của bản thân và này sinh khi bị cáo gặp Th nên đề nghị cho bị cáo xin lại chiếc xe mô tô, chiếc điện thoại và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; do bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống tại khu vực có điều kiện kinh tế xã đặc biệt khó khăn nên đề nghị xin được miễn hình phạt bổ sung và tiền án phí sơ thẩm.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi liên quan là chị Đinh Thị B trình bày: Chị là vợ của bị cáo Nông Văn H. Chiếc xe mô tô là tài sản chung của gia đình do chồng bị cáo đứng tên trong giấy đăng ký xe mô tô, xe máy. Chiếc xe máy được mua bằng tiền do chị đi làm công ty mà có. Do là tài sản chung nên chị đề nghị được lấy lại chiếc xe mô tô cho gia đình và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo nhất trí về tội danh, điều luật, tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt chính, biện pháp xử lý vật chứng tư pháp mà Kiểm sát viên tại phiên tòa đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá thấu đáo về các tình tiết liên quan đến tài sản, đến hoàn cảnh kinh tế, nhân thân người phạm tội để quyết định một mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung thấu tình, đạt lý. Quyết định phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo có ý nghĩa quan trọng, giúp bị cáo nhận thức đầy đủ và tự nguyện hoàn lương, không tái phạm trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn H "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm c, khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38; 46; 47 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS 2015); Điều 106 của bộ luật tố tụng hình sự 2015 (BLTTHS 2015): Xử phạt bị cáo Nông Văn H từ 12 tháng đến 18 tháng tù; phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ 5.000.000,đ đến 6.000.000,đ. Tạm giữ 01 chiếc xe mô tô của bị cáo để bảo đảm thi hành án cho bị cáo; trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động; tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án được niêm phong trong phong bì ký hiệu B3, T82. Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra

Công an huyện N, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của Nông Văn H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 01/6/2020, bị cáo điều khiển xe mô tô của gia đình bị cáo do bị cáo đứng tên trong giấy đăng ký xe mô tô, xe máy sang thị trấn Y, huyện N chơi và không có mục đích tìm mua ma túy. Tuy nhiên, do bản thân nghiện ma túy, nên trên đường về khi gặp bạn mới quen cũng là người nghiện nên bị cáo mới phát sinh mục đích mua ma túy để sử dụng cho bản thân. Khối lượng ma túy bị cơ quan chức năng thu giữ trên người bị cáo là 0,171g. Mục đích bị cáo mua ma túy là để sử dụng cho bản thân chứ không nhằm mục đích sản xuất, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy để kiếm lời.

Do vậy, Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm "Tội tàng trữ phép chất ma túy", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 249 của BLHS 2015, nội dung điều luật có nội dung: "1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

a)...; c) Heroine ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 0,5 gam; ...;

...5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng..."

Xét các tình tiết quyết định mức hình phạt:

Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Khi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất biệt dược của Nhà nước, gây ra các tệ nạn ma túy; để lại hậu quả nặng nề cho gia đình có người nghiện và xã hội; làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương.

Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 của BLHS 2015; bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tổng hợp các tình tiết của vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy phải xử lý nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo; cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo tính giáo dục và phòng ngừa chung đồng thời tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án

cho bị cáo là phù hợp và có căn cứ.

[3] Về hình phạt bổ sung: Do bản thân bị cáo là lao động làm ruộng; thu nhập không ổn định; gia đình thuộc hộ cận nghèo, không có khả năng thi hành án; mục đích tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân. Nên xét thấy cần miễn áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo là phù hợp và có căn cứ.

Đối với người đàn ông tên Th đã bán ma túy cho bị cáo tại khu vực thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, do không xác định được lai lịch của người này nên cơ quan Điều tra không có căn cứ để xử lý theo pháp luật là có căn cứ.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 phong bì được niêm phong ký hiệu B3 và 01 phong bì niêm phong ký hiệu T82 là vật chứng của vụ án và Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật;

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng không liên quan đến tội phạm cần trả lại cho bị cáo;

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave α BKS 12T1-xxxxx đã qua sử dụng kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 00xxxx mang tên Nông Văn H được bị cáo sử dụng để đi chơi. Trên đường về nhà do gặp bạn nghiện nên bị cáo mới nảy sinh mua ma túy để sử dụng cho bản thân; nên không được coi là bị cáo sử dụng làm phương tiện hỗ trợ, tạo điều kiện dễ dàng cho mục đích đi mua ma túy để tàng trữ trái phép chất ma túy và cũng không phải là điều kiện cần thiết để người phạm tội thực hiện được hành vi phạm tội tàng trữ, bởi nếu không có xe thì tội phạm vẫn hoàn thành. Chiếc xe mô tô không quyết định bản chất nguy hiểm cho xã hội của tội tàng trữ trái phép chất ma túy; không được quy định là dấu hiệu của cấu thành tội phạm này và không có liên hệ mật thiết với tội phạm, nên cần trả lại cho bị cáo.

Số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an Huyện với Chi cục thi hành án dân sự huyện N lập ngày 20/8/2020.

[5] Về án phí: Do bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại khu vực có điều kiện tế xã hội đặc biệt khó khăn và gia đình thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm nên xét thấy cần miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo là phù hợp và có căn cứ.

[6] Quan điểm của người bào chữa về các tình tiết liên quan đến tài sản, nhân thân người phạm tội; điều luật áp dụng, tội danh; mức hình phạt, biện pháp tư pháp áp dụng đối với bị cáo; quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về các tình tiết liên quan đến tài sản, nhân thân người phạm tội; điều luật áp dụng, tội danh, mức hình phạt chính, biện pháp tư pháp áp dụng đối với bị cáo Nông Văn H là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo của Kiểm sát viên chưa phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c, khoản 1, Điều 249; Điều 46; 47; điểm s, khoản 1, Điều 51; 38 của BLHS 2015; Điều 106, 329, 331, 333 của BLTTHS 2015. Điểm đ khoản 1

Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1] Về tội phạm: Tuyên bố bị cáo Nông Văn H (Tên gọi khác: Không) phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy".

[2] Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nông Văn H 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 01/6/2020).

Tiếp tục giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm cho việc thi hành án.

[3] Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì được niêm phong ký hiệu B3 và 01 phong bì niêm phong ký hiệu T82;

- Trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng cho bị cáo;

- Trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave α BKS 12T1-xxxxx đã qua sử dụng kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 00xxxx mang tên Nông Văn H cho bị cáo.


Số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an Huyện với Chi cục thi hành án dân sự huyện N lập ngày 20/8/2020.

[4] Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo

[5] Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi liên quan. Bị cáo, người có quyền lợi liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bào chữa;
- VKS huyện N; VKS tỉnh Bắc Kạn;
- TA tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp Bắc Kạn;
- Công an huyện N;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Kạn;
- Phòng quản lý hồ sơ CA Huyện;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Lưu Hồ sơ. 

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

TRẦN QUANG HÒA